

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư : Tổng Công ty Mạng lưới Viettel Tên giao dịch : Tổng Công ty Mạng lưới Viettel Đại diện : Ông: Lưu Mạnh Hà Chức vụ : Tổng Giám đốc Địa chỉ : Lô B1C cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội Tài khoản : 0081188889999 Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội Mã số thuế : 0100109106-012 Điện thoại : .....
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: Đầu tư xây dựng hạ tầng mở rộng mạng cáp quang năm 2025 tại Lai Châu. <b>Thuộc Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng mở rộng mạng cáp quang năm 2025 tại Lai Châu.</b>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại Tỉnh Lai Châu) và được xác định trong Bản vẽ đính kèm E-HSMT.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 270 ngày
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 330 ngày.
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax,

	<p><i>email của Tư vấn quản lý dự án nếu có</i>];</p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát</i>];</p> <p>...</p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: ____ [ <i>Chủ đầu tư điền</i> ]
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [ <i>liệt kê tài liệu</i> ].
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến <i>khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i>.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm là <i>07 ngày trước ngày</i> bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i> .
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.

<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không có.
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: 12 tháng.
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình: 365 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Công trường thuộc địa phận Tỉnh Lai Châu).
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo biên bản bàn giao hoặc Thông báo của Chủ đầu tư sau khi ký hợp đồng.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.</p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.

<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 ngày.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 1.182.000.000 VND.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Không có.
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: Theo quy định hiện hành của nhà nước và yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo vật tư, máy móc, thiết bị hoạt động một cách hiệu quả và an toàn trong quá trình sử dụng.
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: “Cố định”
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng:</p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên nhận thầu sẽ được tạm ứng theo nhiều đợt, số lượng tuyến tạm ứng từng đợt phải <math>\geq 01</math> tuyến.</p> <p>Sau khi Bên giao thầu nhận được đầy đủ bộ hồ sơ gồm: Bảo đảm thực hiện hợp đồng (thực hiện 1 lần duy nhất), bảo lãnh tạm ứng tương đương với giá trị tạm ứng, Phương án tổ chức thi công, Bản cam kết đảm bảo an toàn, tiến độ, đề nghị tạm ứng (tương ứng với phần giá trị tạm ứng) của Bên nhận thầu, biên bản xác nhận thời điểm bắt đầu khởi công quy định tại Điều 8, trong vòng 7 ngày Bên giao thầu sẽ ứng trước cho Bên nhận thầu 30% giá trị các tuyến tương ứng.</p> <p>Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng sẽ được Bên giao thầu thu hồi 100% giá trị tương ứng với số lượng tuyến đề nghị thanh toán”.</p> <p>Thời gian tạm ứng: 07 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>* Việc thanh toán được chia làm nhiều lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên nhận thầu có thể có đề nghị thanh toán nhiều đợt sau khi Bên nhận thầu hoàn thành và được nghiệm thu hoàn thành công trình đưa</li> </ul>

vào sử dụng ít nhất  $\geq 05$  tuyến thuộc hợp đồng.

Mỗi đợt thanh toán Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu 100% giá trị quyết toán từng tuyến được duyệt (bao gồm cả phần thu hồi tạm ứng của các tuyến đề nghị thanh toán tương ứng) sau khi Bên nhận thầu bàn giao cho Bên giao thầu bộ hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán được cấp có thẩm quyền của Bên giao thầu phê duyệt của tuyến được thanh toán và Bên nhận thầu nộp đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ đồng thời xuất hóa đơn GTGT tương ứng với 100% giá trị phê duyệt quyết toán của các tuyến đề nghị thanh toán và trình thư bảo lãnh, bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán được duyệt.

#### 9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0%

Bên giao thầu sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Bên nhận thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19 [Bảo hiểm và Bảo hành]

#### 9.7. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán: 02 bộ

Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau: Bên nhận thầu sẽ cung cấp cho Bên giao thầu chứng từ thanh toán tương ứng với từng đợt thanh toán theo quy định tại Điều 20 [Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng] của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; khoản 9.6 [Hồ sơ thanh toán] của Hợp đồng; các quy định hiện hành của Nhà nước và theo yêu cầu của Bên giao thầu.

- Thời hạn thanh toán là: 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

- Đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu;

- Hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên nhận thầu và chứng từ thanh toán hợp lệ khác.

	<p><b>❖ Nguyên tắc thanh toán đối với khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng:</b></p> <p>Thực hiện theo Điều 10. [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng] của hợp đồng</p> <p><b>Hồ sơ thanh toán cho khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Biên bản hiện trường phát sinh được ký các bên: Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát (nếu có) và nhà thầu thi công.</li> <li>• Quyết định phê duyệt thiết kế dự toán phát sinh được chủ đầu tư phê duyệt.</li> <li>• Phụ lục bổ sung hợp đồng cho công việc phát sinh được hai bên ký</li> </ul> <p>Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc sử dụng giá trị dự phòng của hợp đồng để thanh toán trong trường hợp phát sinh này.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: “<i>được phép</i>” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “<i>trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i>”].</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0%</p>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký.</li> <li>- Những công trình, hạng mục công trình, công việc không phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng.</li> <li>- Khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong Hợp đồng</li> </ul>

<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 %.	
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<b>Mức phạt:</b> Phạt vi phạm về tiến độ ➤ Phạt vi phạm về tiến độ	
<b>STT</b>	<b>Nội dung vi phạm</b>	<b>Giá trị phạt</b>
1	<b>Chậm nhận bàn giao mặt bằng, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:</b> Bên nhận thầu phải nhận bàn giao mặt bằng, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong vòng 02 ngày kể từ ngày Bên nhận thầu nhận được thông báo của Bên giao thầu	1% giá trị tuyên tương ứng cho mỗi ngày chậm
2	<b>Chậm nhận bàn giao vật tư thiết bị:</b> Sau 2 ngày Bên nhận thầu nhận thông báo bằng văn bản của Viettel Tỉnh/TP Bên nhận thầu không nhận bàn giao vật tư, thiết bị	1% giá trị tuyên tương ứng cho mỗi ngày chậm
3	<b>Chậm tiến độ về Thời gian xin phép xây dựng và khởi công công trình:</b> + Đối với các công trình do Tổng Cục đường Bộ, Cục đường bộ cấp phép: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng, nhà thầu phải có giấy phép xây dựng và khởi công công trình. + Đối với các công trình do Sở Giao thông tỉnh, UBND tỉnh cấp phép: Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng, nhà thầu phải có giấy phép xây dựng và khởi công công trình	1% giá trị tuyên tương ứng cho mỗi ngày chậm
4	<b>Chậm tiến độ về sự chấp thuận của Điện lực về việc treo cáp trên cột điện lực:</b> Sau 15 ngày kể từ ngày bàn giao tuyến Bên nhận thầu không có sự chấp thuận bằng văn bản của Điện lực (Đối với công trình treo cáp trên cột điện lực )	1% giá trị tuyên tương ứng cho mỗi ngày chậm
5	<b>Chậm khởi công:</b> Bên nhận thầu phải tiến hành khởi công trong vòng 02 ngày kể từ ngày có thông báo đảm bảo mặt bằng	1% giá trị tuyên tương ứng cho mỗi ngày chậm

	6	<b>Chậm tiến độ thi công từng tuyến (công trình):</b> Bên nhận thầu không đảm bảo tiến độ như quy định tại Điều 8	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	7	<b>Không hoàn thành củng cố các hạng mục công trình nghiệm thu chưa đạt chất lượng, không chụp ảnh:</b> Bên nhận thầu không hoàn thành củng cố các hạng mục công trình nghiệm thu chưa đạt chất lượng trong vòng 15 ngày kể từ ngày có thông báo bằng văn bản của Bên giao thầu.	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	8	Bên nhận thầu không tổ chức nghiệm thu lại trong vòng 02 ngày kể từ ngày khắc phục xong	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	9	<b>Chậm hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu:</b> Trong vòng 07 ngày kể từ thời điểm công trình thi công hoàn thành, Bên nhận thầu không hoàn thiện hồ sơ hoàn công, lập phiếu yêu cầu, chuyển hồ sơ nghiệm thu đề nghị Bên giao thầu tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	10	<b>Chậm hoàn trả vật tư, ký biên bản đối chiếu vật tư A cấp và biên bản đền bù mất mát vật tư:</b>	
	-	Bên nhận thầu không bàn giao thiết bị vật tư thừa do Bên giao thầu cấp cho Viettel tỉnh/TP trong vòng 03 ngày kể từ ngày công trình thi công hoàn thành.	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	-	Bên nhận thầu không phối hợp với Viettel tỉnh/TP chốt số liệu, ký bảng đối chiếu thiết bị vật tư A cấp và biên bản đền bù mất mát vật tư trong vòng 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi ngày chậm
	11	<b>Chậm nghiệm thu đưa vào sử dụng:</b> Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm công trình thi công hoàn thành, Bên nhận thầu không phối hợp với Bên giao thầu tổ chức nghiệm thu công trình	1% giá trị tuyến tương ứng cho mỗi

	đưa vào khai thác sử dụng và ký hồ sơ hoàn công.	ngày chậm
12	<b>Chậm lập hồ sơ đề nghị quyết toán:</b> Trong vòng 25 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Bên nhận thầu không gửi hồ sơ đề nghị quyết toán chuyển cho Bên giao thầu thẩm	1% giá trị tuyển tương ứng cho mỗi ngày chậm
13	Nếu nhà thầu vi phạm 1 trong các quy định khác về tiến độ thì sẽ bị phạt	1% giá trị tuyển tương ứng cho mỗi ngày chậm
14	Bên nhận thầu không đáp ứng, chậm trễ triển khai thi công đồng thời tối thiểu 10 công trình/tuyến/hạng mục tại cùng một thời điểm trong vòng 7 ngày kể từ ngày chủ đầu tư có thông báo yêu cầu.	1% giá trị tuyển tương ứng cho mỗi ngày chậm

➤ Vi phạm chất lượng công trình

Giá trị phạt do vi phạm chất lượng công trình sẽ được các bên xác nhận bằng văn bản và Bên giao thầu sẽ khấu trừ vào kỳ thanh toán giai đoạn kế tiếp của Bên nhận thầu. Trường hợp không có kỳ thanh toán kế tiếp, Bên giao thầu sẽ khấu trừ vào phần quyết toán công trình theo quy định (bao gồm cả thanh toán tạm ứng).

Trường hợp Bên nhận thầu vi phạm lỗi bị Bên giao thầu hoặc giám sát của Bên giao thầu lập biên bản mà Bên nhận thầu không ký xác nhận lỗi vi phạm, Bên giao thầu sẽ ra thông báo dừng thi công toàn bộ công trình.

b. Bên nhận thầu không thực hiện khắc phục, sửa chữa sai sót theo quy định sẽ bị phạt 5% giá trị tuyển cần sửa chữa, khắc phục.

c. Nếu nhà thầu thi công vi phạm chất lượng các lỗi chi tiết bảng mã lỗi chất lượng thi công công trình Truyền dẫn (chi tiết theo phụ lục mã lỗi đính kèm hợp đồng), phạt bằng tiền nhưng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng, giá trị tiền phạt theo 02 mức:

+ Lỗi nghiêm trọng: 5.000.000 VNĐ/01 lỗi/01 tuyến (Bằng chữ: Năm triệu đồng).

+ Lỗi thông thường: 500.000 VNĐ/01 lỗi/01 tuyến (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng).

d. Nếu Bên nhận thầu thi công công trình không đúng theo TKBVTC, không đạt chất lượng như yêu cầu của hợp đồng và có sai sót xảy ra thì phải chịu phạt tối đa là 12% giá trị của tuyến thi công vi phạm.

22.2.3 Trường hợp Bên nhận thầu thi công không đảm bảo an toàn vệ

	<p>sinh môi trường khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa bàn thi công nhắc nhở, báo chí phản ánh: Phạt 2% giá trị tuyến bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm.</p> <p>22.2.4. Vi phạm biện pháp thi công, hướng dẫn thi công, phát sinh cấp vụn loại &lt;100m: Phạt 50% giá trị khối lượng cấp vụn theo đơn giá trong phiếu xuất kho của chủ đầu tư.</p> <p>22.2.5 Nếu Bên nhận thầu thi công công trình vi phạm an toàn lao động thì Bên nhận thầu phải chịu phạt tối đa là 12% giá trị của tuyến thi công vi phạm an toàn và chịu trách nhiệm toàn bộ khi có vi phạm an toàn điện xảy ra về con người và vật chất.</p> <p>22.2.6. Nếu chấm dứt hợp đồng theo Điều 17 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], thì Bên nhận thầu bị phạt 12% giá trị tuyến bị vi phạm.</p> <p>22.2.7. Tổng số tiền phạt của các loại vi phạm không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.</p> <p>22.2.8. Sau khi có biên bản xác nhận lỗi, chủ đầu tư sẽ gửi công văn thông báo phạt hợp đồng cho nhà thầu, trong vòng 05 ngày (kể từ khi nhà thầu nhận được thông báo) mà nhà thầu không phản hồi thì chủ đầu tư có quyền đơn phương phạt hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự].</p>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: "không áp dụng".
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: _____ [ghi thời gian bàn giao công trình].
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công].
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 0 VND.

**E-ĐKC 56.1(a)**

Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.